

Biểu mẫu 01

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH
TRƯỜNG MẦM NON HƯƠNG SEN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của Trường Mầm non Hương Sen,
Năm học 2022-2023**

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	98%	98%
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	100% trẻ được giáo dục theo chương trình chăm sóc GDMN	100% trẻ được giáo dục theo chương trình chăm sóc GDMN
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	98 %	98 %
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	Đảm bảo 100%	Đảm bảo 100%

Long Thành Trung, ngày 10 tháng 5 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

Đã ký

Trần Thị Thu Hằng

Biểu mẫu 02

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH
TRƯỜNG MẦM NON HƯƠNG SEN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non

Trường Mầm non Hương Sen, Năm học 2022-2023

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	281			30	67	72	112
1	Số trẻ em nhóm ghép				0	0	0	0
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0			0	0	0	0
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	281			30	67	72	112
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0			0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	281			30	67	72	112
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	281			30	67	72	112
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	281			30	67	72	112
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	268						
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	02			02			

3	<i>Số trẻ có chiều cao bình thường</i>	268						
4	<i>Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi</i>	02						
5	<i>Số trẻ thừa cân béo phì</i>	11			01	02	03	05
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ				30			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo					67	72	112

Long Thành Trung, ngày 10 tháng 5 năm 2023
Thủ trưởng đơn vị

Đã ký

Trần Thị Thu Hằng

Biểu mẫu 03

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH
TRƯỜNG MẦM NON HƯƠNG SEN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường Mầm non Hương Sen, Năm học 2022-2023
(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	14	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	10	56 m ² / phòng - 560 m ²
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	0	0
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	01	2342.70 m ² - 7,4 m ² /trẻ em
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	01	1.215 m ²
VI	Tổng diện tích một số loại phòng <i>Khối nhà bếp- hành chánh xây mới và 10 phòng học lầu hiện hữu cải tạo</i>		684,78 m²
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	10	56 m ² / phòng - 560 m ²
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	10	56 m ² / phòng - 560 m ²
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	08	30 m ²
4	Diện tích hiên chơi (m ²) <i>Khối sảnh nhà ăn</i>	02	256,19 m ²
5	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất (m²)</i>	0	0
6	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m²)</i>	01	46,61 m ²
7	<i>Diện tích nhà bếp và kho (m²)</i>	01	46 m ²
8	<i>Phòng hành chánh</i>	01	46.61 m ²

9	Phòng Hội trường	01	46.61 m ²
10	Phòng Hiệu trưởng	01	22,8 m ²
11	Phòng Phó Hiệu trưởng	01	22,8 m ²
12	Phòng y tế	01	23,4 m ²
13	Phòng bảo vệ	01	10,24 m ²
14	Khu để xe	01	33 m ²
15	Cột cờ xây mới	01	12,96 m ²
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp) 09/09
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định		09/09
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		0/0
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời		Số bộ/sân chơi (trường) 05/01
IX	Tổng số thiết bị điện tử - tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)		+ Máy vi tính: 04 + Máy chiếu : 02 + Màn hình tương tác: 02
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)/9 nhóm (lớp)

		Số lượng (m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	03		09		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(* Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/ TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	
..	...	X	

Long Thành Trung, ngày 10 tháng 5 năm 2023
Thủ trưởng đơn vị

Đã ký

Trần Thị Thu Hằng

Biểu mẫu 04

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH
TRƯỜNG MẦM NON HƯƠNG SEN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của Trường Mầm non Hương Sen, Năm học 2022-2023**

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên														
I	Giáo viên	17	0	0	15	02	0	0	0	14	03				
1	Nhà trẻ	02	0	0	02	0	0	0	0	02	0				
2	Mẫu giáo	15	0	0	13	02	0	0	0	12	03				
II	Cán bộ quản lý	03			03	0					03				
1	Hiệu trưởng	01	0	0	01	0	0	0	0	0	01				
2	Phó hiệu trưởng	02	0	0	02	0	0	0	0	0	02				
III	Nhân viên	08													
1	Nhân viên văn thư		0	0		0	0	0	0	0	0				
2	Nhân viên kế toán	01	0	0	01	0	0	0	0	0	0				
3	Thủ quỹ									0	0				
4	Nhân viên y tế	01	0	0		0	01		0	0	0				
5	Nhân viên khác	06	0	0		0		06	0	0	0				
..	..														

Long Thành Trung, ngày 10 tháng 5 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

Đã ký

Trần Thị Thu Hằng

